TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 20- 6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hoàng Bá**;

2. Ông **Đinh Đắc Tư**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật**- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1977. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị Hồng S, sinh năm 1980. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên Phạm Văn T trình bày và *yêu cầu giải quyết như sau:* Vào ngày 06/03/2023, vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S có hỏi mượn ông Thông số tiền 200.000.000đ để làm ăn. Hai bên có đến Phòng công chứng ký hợp đồng vay tài sản theo quy định pháp luật. Thời hạn vay 03 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa

thuận. Để bảo đảm cho số tiền vay, ông N và bà S có giao cho ông T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD417715, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00380, cấp ngày 07/01/2011, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V chỉnh lý ngày 02/06/2016 tại thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 09, diện tích 692m² (đất ở tại nông thôn 120 m², đất trồng cây lâu năm 572 m²), địa chỉ ấp V, xã V, V, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn N đứng tên.

Sau khi vay tiền 02 tháng đầu vợ chồng ông N và bà S có đóng lãi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, từ tháng 6/2023 cho đến nay bị đơn không trả lãi cũng như không trả gốc theo hợp đồng đã thỏa thuận. Ông T nhiều lần yêu cầu vợ chồng bị đơn trả nợ nhưng bị đơn luôn hứa hẹn không trả tiền cho ông. Vì vậy, ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ tháng 6/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N *quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Do cần vốn làm ăn vợ chồng ông có vay của ông Thông số tiền 200.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận. Để đảm bảo cho hợp đồng vay thì vợ chồng ông có giao cho ông T giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1016 nêu trên. Từ khi vay tiền, ông đóng lãi được 03 tháng, mỗi tháng 4.000.000đ nhưng ông còn nợ lại 3.000.000đ. Từ tháng 6/2023 đến nay ông không đóng lãi và cũng chưa trả nợ gốc cho ông T. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý trả nợ gốc 200.000.000đ và trả lãi từ ngày 06/6/2023 theo quy định pháp luật. Do bận công việc ông N yêu cầu xét xử vắng.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị

đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc nợ gốc 200.000.000đ và nợ lãi là 20.000.000đ đến ngày 20/6/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 200.000.000đ và nợ lãi phát sinh. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn ông N và bà S có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 06/3/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 200.000.000đ có làm hợp đồng vay tài sản và được công chứng theo quy định, để đảm bảo nợ vay bị đơn có giao cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1016 nêu trên. Tuy nhiên, quá trình vay thì bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi theo thỏa thuận dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét lời khai của nguyên đơn về việc có cho bị đơn vay 200.000.000đ có làm hợp đồng vay, có công chứng theo quy định. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn cũng thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn là sự thật và đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, về tình tiết bị đơn có vay tiền của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ vay 200.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với số tiền lãi: Hai bên tự thỏa thuận lãi khi cho vay. Quá trình giải quyết vụ án hai bên thống nhất áp dụng lãi suất theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng lãi suất 10%/năm được căn cứ tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 06/6/2023 đến ngày 20/6/2024 tương đương 12 tháng *(nguyên đơn đồng ý làm tròn 12 tháng)*: 200.000.000đ nợ gốc x 10%/năm x 12 tháng = 20.000.000đ.

[5] Từ những nhận định phân tích nêu trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc 200.000.000đ và nợ lãi 20.000.000đ cho nguyên đơn là có cơ sở.

[6] Về nghĩa vụ liên đới: Bị đơn ông N xác định việc vay tiền là sử dụng vào mục đích làm ăn phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu sinh hoạt cho gia đình nên đồng ý cùng vợ là bà S cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, khoản tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, việc vay tiền là để xây dựng kinh tế chung trong gia đình nên ông N và bà S phải cùng có trách nhiệm liên đới thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung trong giao dịch dân sự do cả hai cùng thực hiện được quy định tại các Điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, cần buộc bà S cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1016 nêu trên mà nguyên đơn đang giữ của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục để nguyên đơn tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án và nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại giấy đất nêu trên cho bị đơn khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 92, 96, 144, 147, 229, 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 105; 106; 115; 164; 357, 463,

466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S.

1. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn T tổng số tiền nợ vay là 220.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)*. Trong đó, nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 20.000.000 đồng.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 09, diện tích 692m^2, loại đất ONT 120m^2 + CLN 572m^2, được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00380 ngày 07/01/2011 do ông Nguyễn Văn N đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Khi bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S thanh toán xong khoản nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh đối với khoản vay này tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị Hồng S phải chịu 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006983 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án. Đương

sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Thị Ánh Đào